

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1231673113-801 - K to ầ n t ầ ch ầ nh ph n 2 H c km : HK03

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ầ Y SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572011502	35CKT2	Nguy n Th Ph ầ ng Anh	12/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	3572010555	35CKT2	Nguy n Ch ầ Công	26/09/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
3	3472010013	34CKT1	Nguy n V ầ Nh ầ C ầ	22/08/1992				10.0	9.0		9.5	2.9	8.0	5.6	8.5	
4	3472010009	34CKT2	L ầ Th Ng ầ c ầ Châu	06/09/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
5	3472010010	34CKT1	L ầ Tr n Minh ầ Châu	15/02/1992				6.0	8.5		7.3	2.2	6.5	4.6	6.7	
6	3472010015	34CKT1	Nguy n Th ầ Di m	17/09/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
7	3472010018	34CKT1	H ầ Th ầ Dung	19/05/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
8	3472010130	34CKT1	Nguy n Th Ng ầ c ầ Gi ầ u	09/01/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
9	3472010129	34CKT1	T ầ ng Th ầ H ầ i	22/07/1992				6.5	0.0		3.3	1.0	5.5	3.9	4.8	
10	3572011182	35CKT2	Tr n Th ầ H ầ ng	06/11/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
11	3572011017	35CKT1	Tr n Th ầ ầ ng ầ H ầ n	01/01/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
12	3472010031	34CKT1	B ầ ch Th Xu ầ n ầ Hi ầ n	07/05/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
13	3472010032	34CKT1	Phan Th Thu ầ Hi ầ n	28/07/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
14	3572010638	35CKT2	V ầ H ầ Th ầ Hi ầ n	03/10/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
15	3472010035	34CKT1	L ầ Th ầ Hoa	28/03/1990				6.0	8.0		7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
16	3472010041	34CKT2	V ầ H ầ Th ầ H ầ ng	20/08/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
17	3572011452	35CKT2	V ầ T ầ ng ầ H ầ p	30/04/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
18	3572010930	35CKT2	Nguy n Thanh ầ Huy	30/09/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
19	3472010045	34CKT1	Cao Th Th ầ o ầ Huy n	12/05/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKT2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 1231673113-801 - K to ãn t@ ch ãnh ph n 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3472010048	34CKT2	Nguy n Th Th H ng	17/10/1992				0.0	6.0		3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
21	3572010285	35CKT2	Nguy n Th Ng c Khánh	24/07/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
22	3572010384	35CKT2	ñ ng Th V Lam	22/04/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
23	3472010054	34CKT1	L ² Th Lam	05/10/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
24	3472010055	34CKT1	Nguy n Th Kim Lâm	10/05/1992				9.0	8.0		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
25	3472010058	34CKT1	Nguy n Th Liêu	05/05/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
26	3572010434	35CKT2	Nguy n Th Liêu	15/10/1993				7.0	8.5		7.8	2.3	5.0	3.5	5.8	
27	3472010060	34CKT2	Nguy n Th Th ½y Linh	16/02/1992				6.0	6.0		6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
28	3472010078	34CKT1	Phan Th Y n N	07/08/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
29	3472010079	34CKT1	B ½i Th Ng c N	20/03/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
30	3472010080	34CKT1	Nguy n Th M N	09/06/1992				9.0	8.0		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
31	3472010069	34CKT1	Do ãn Th Kim Ngân	12/12/1992				6.0	8.5		7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
32	3572010382	35CKT1	Mai Th Tuy t Ngân	16/07/1993				0.0	6.0		3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
33	3572011011	35CKT1	Nguy n Th H ng Ng c	10/12/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
34	3472010070	34CKT2	Phan Th Ho ¾ Ng c	10/07/1992				6.0	0.0		3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
35	3472010071	34CKT1	Nguy n Th T ¾ Nguyên	05/07/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
36	3572010950	35CKT1	Nguy n Th Quinh Nh	21/10/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
37	3572010290	35CKT2	Tr n Ho ¾ng Phúc	22/11/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
38	3572011140	35CKT1	Nguy n Th Tr ¾c Ph ng	06/04/1992				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1231673113-801 - K to ầ n t ầ ch ầ nh ph n 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572010550	35CKT2	Nguy n Ng c	Sang	24/10/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
40	3572011513	35CKT2	Huỳnh Quang	Tu n	29/04/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
41	3572010975	35CKT1	Tr n Th Ng c	Tuyên	18/02/1991				10.0	8.0		9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
42	3572011443	35CKT2	H a C m	Tú	18/04/1993				7.5	6.0		6.8	2.0	6.5	4.6	6.6	
43	3572010481	35CKT2	D ng Th Thu	Th o	11/09/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
44	3572011653	35CKT1	Ng» Th Thanh	Th o	15/03/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	8.5	6.0	8.1	
45	3472010131	34CKT1	ấ Th Thi	Thi	02/12/1992				6.0	7.5		6.8	2.0	5.0	3.5	5.5	
46	3472010103	34CKT1	ấ inh Th ầ i	Thu n	25/06/1992				6.0	8.5		7.3	2.2	6.5	4.6	6.7	
47	3472010106	34CKT1	Nguy n Th	Thuy	10/07/1991				6.5	0.0		3.3	1.0	7.5	5.3	6.2	
48	3572010635	35CKT2	Mai Thiên	Trang	07/05/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	6.5	4.6	6.7	
49	3572011535	35CKT2	L ² Th	X ng	03/06/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	

T ng s : 49 h c sinh sinh vĩ ² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa Gi ầ o Vĩ ² n B M ầ n Gi ầ o V Khoa